

Số: 94/QĐ-TSVN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế về công bố thông tin của
Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty ngày 27/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 93 /NQ-TSVN-HĐQT ngày 17 /11/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Xét đề nghị của Ban Tổng giám đốc tại Tờ trình số 348/TTr-TSVN-QLDMĐT ngày 24/10/2022 về việc ban hành Quy chế về Công bố thông tin của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng nghiệp vụ, Giám đốc các Chi nhánh và Trưởng Văn phòng đại diện của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- SCIC (để b/c);
- HĐQT, BKS TCT;
- Người PTQT;
- Lưu VT, TK HĐQT.



Hoàng Ngọc Thạch



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SEAPRODEX

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2022

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94/QĐ-TSVN-HĐQT ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Thông tư số 96/2020/TT-BTC);
- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP);
- Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/7/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con;
- Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN);
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP (Điều lệ Tổng công ty);
- Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP,

Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP;

Quy chế công bố thông tin Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP, bao gồm các nội dung sau:

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	3
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	4
Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin	5
Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	5
Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	6
CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	7
Điều 7. Công bố thông tin định kỳ	7
Điều 8. Công bố thông tin bất thường	8
Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu	10
Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Tổng công ty	11
CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC	12
Điều 11. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty	12
Điều 12. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ	12
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	13
CHƯƠNG 4 – CÔNG BỐ THÔNG TIN VỚI VAI TRÒ LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	14
Điều 14. Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước	14
Điều 15. Hình thức và phương tiện công bố thông tin theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP	14
Điều 16. Tài khoản công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp	14
Điều 17. Các thông tin công bố định kỳ với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước	15
Điều 18. Các thông tin công bố bất thường với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước	15
Điều 19. Thực hiện công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước	16
Điều 20. Tạm hoãn công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước	16
CHƯƠNG 5 – PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN	17
Điều 21. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin	17
Điều 22. Sửa đổi và bổ sung	18
Điều 23. Hiệu lực thi hành	18
PHỤ LỤC	20
PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ	20
PHỤ LỤC 02: CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN	30

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế công bố thông tin Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP quy định các nội dung về cách thức, trình tự việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Đồng thời, Quy chế này còn quy định chi tiết việc tổ chức, phối hợp công tác giữa các Phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty, và các đối tượng khác (*cơ quan, tổ chức, cá nhân*) có liên quan trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty, bao gồm:

- a) Người thực hiện công bố thông tin;
- b) Người nội bộ của Tổng công ty và Người có liên quan của Người nội bộ;
- c) Các Phòng nghiệp vụ, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc của Tổng công ty;
- d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Tổng công ty;
- đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ban điều hành Tổng công ty* bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. *Ban Tổng giám đốc Tổng công ty* bao gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc của Tổng công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.
4. *Công bố thông tin bất thường* là việc Tổng công ty công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.
5. *Công bố thông tin định kỳ* là việc Tổng công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.
6. *Công bố thông tin theo yêu cầu* là việc Tổng công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi Tổng công ty đăng ký giao dịch hoặc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền khác.
7. *Dữ liệu điện tử dùng công bố thông tin* là dữ liệu có định dạng Word/ Excel/ PDF (*Word/ Excel sử dụng bảng mã Unicode*). Dữ liệu điện tử phải được ký bằng chữ ký số của Tổng công ty theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và các cơ quan có thẩm quyền khác.
8. *Đối với tài liệu dưới dạng văn bản*: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
 - a) Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.

b) Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của Người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của Người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

9. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của Tổng công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và Người có liên quan của Người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

c) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.

10. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 của Quy chế này.

11. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* được xác định theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

12. *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

14. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

15. *Người thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty* là cá nhân theo quy định tại Điều 4 Quy chế này.

16. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

17. *Tổng công ty* là Tổng công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP.

18. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Tổng công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nơi chứng khoán của Tổng công ty đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Tổng công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do Người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Quy chế này.

5. Tổng công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán của Tổng công ty là Tiếng Việt.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 Người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Tổng công ty ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban điều hành Tổng công ty phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Tổng công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về Người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Mẫu 20 – GUQ Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn của thông tin được công bố theo quy định của Pháp luật về quy định này.

Điều 5. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty (cụ thể tại Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (Nhà đầu tư) trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty (Website) có tên miền: <https://seaprodex.vn/> do Phòng Hành chính Nhân sự quản lý và vận hành);

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – IDS Pro;

c) Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Hệ thống quản lý thông tin công ty dành cho công ty niêm yết/ đăng ký giao dịch trên sàn HNX – Hệ thống CIMS);

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD);

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

2. Việc lập Trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Tổng công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

7. Người thực hiện công bố thông tin và Phòng chuyên trách được phân công thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty thông qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, đảm bảo nguyên tắc:

a) Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký/ đăng nhập, bao gồm: Tên truy cập tài khoản, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện thao tác công bố thông tin;

b) Cách thức đăng tải báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều này. Riêng việc đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Phòng chuyên trách phối hợp với Phòng Hành chính Nhân sự thực hiện.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

1. Tổng công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay sau khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG 2 – CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính quý:
 - a) Báo cáo tài chính quý phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;
 - b) Toàn văn Báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ;
 - c) Thời hạn công bố Báo cáo tài chính quý là trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
2. Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:
 - a) Báo cáo tài chính bán niên phải là Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty, được lập theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;
 - b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Toàn văn Báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;
 - c) Thời hạn công bố Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét là trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.
3. Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:
 - a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
Tổng công ty phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm tổng hợp và Báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - b) Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính;
 - c) Thời hạn công bố Báo cáo tài chính năm: Tổng công ty phải công bố Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Tổng công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

6. Tổng công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Mẫu 01 – BCTN Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn dài hơn, Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 của Quy chế này.

8. Tổng công ty phải công bố thông tin về Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty theo mẫu quy định tại Mẫu 03 – BCQT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Tổng công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Tổng công ty; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Tổng công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (Tổng công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty). Đồng thời, Tổng công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, Người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Tổng công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nước ngoài;

u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

v) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;

x) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 7 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố Báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Tổng công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao

dịch Chứng khoán Hà Nội nơi Tổng công ty đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Tổng công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Tổng công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ:

a) Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ.

b) Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

CHƯƠNG 3 – CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 11. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Tổng công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Tổng công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Mẫu 16 – CDL Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn;

2. Cổ đông lớn của Tổng công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Tổng công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Mẫu 17 – CDL Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Tổng công ty mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 12. Công bố thông tin của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ

1. Người nội bộ của Tổng công ty và Người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch) và Tổng công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Mẫu 18 – GD NNB Phụ lục 02 hoặc Mẫu 22 – TBGD Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và Người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã công bố thông tin và chỉ

được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và Người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Mẫu 19 – GD NNB Phụ lục 02 hoặc Mẫu 23 – BCKQ Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này;

e) Người nội bộ và Người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

2. Người nội bộ và Người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là Người nội bộ của Tổng công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của Tổng công ty hoặc Người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là Người có liên quan của Người nội bộ của Tổng công ty khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu đăng ký giao dịch, Tổng công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Khi được chào mua công khai, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về chào mua công khai.

CHƯƠNG 4 – CÔNG BỐ THÔNG TIN VỚI VAI TRÒ LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 14. Nguyên tắc thực hiện công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước

1. Việc công bố thông tin của Tổng công ty phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của Tổng công ty; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội.

2. Việc công bố thông tin do Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền, Tổng công ty phải gửi Giấy ủy quyền theo mẫu quy định tại Mẫu 24 – GUQ Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này đến Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

3. Báo cáo công bố thông tin được xây dựng theo đúng mẫu quy định tại Mẫu 25 – BCDG, Mẫu 26 – BCTT và Mẫu 27 – BCTTN Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này và được chuyển sang dữ liệu dưới dạng điện tử (định dạng file là PDF, Word, Exel). Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại báo cáo nêu tại Mẫu 25 – BCDG, Mẫu 26 – BCTT và Mẫu 27 – BCTTN Phụ lục 02 đính kèm theo Quy chế này. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin là Tiếng Việt.

4. Báo cáo công bố thông tin qua mạng điện tử của Tổng công ty có giá trị pháp lý như bản giấy, là cơ sở đối chiếu, so sánh, xác thực thông tin phục vụ cho công tác thu thập, tổng hợp thông tin; kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo công bố thông tin phải được duy trì trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty, cổng hoặc Trang thông tin điện tử của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Cổng thông tin doanh nghiệp tối thiểu 05 năm. Tổng công ty công bố thông tin thực hiện việc bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Hình thức và phương tiện công bố thông tin theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

1. Hình thức công bố thông tin gồm văn bản và dữ liệu điện tử.

2. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Quy chế này;

b) Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Cổng thông tin doanh nghiệp là cổng thông tin điện tử có tên miền: <https://business.gov.vn/> do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý và vận hành.

3. Trường hợp thời điểm thực hiện công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin vào ngày làm việc đầu tiên ngay sau ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Việc công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng khác do Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định.

Điều 16. Tài khoản công bố thông tin trên Cổng thông tin doanh nghiệp

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và hướng dẫn Tổng công ty đăng ký tài khoản công bố thông tin. Tổng công ty sử dụng tài khoản công bố thông tin để cập nhật thông tin cơ bản của Tổng công ty và đăng tải báo cáo trên Cổng thông tin doanh nghiệp.

2. Tài khoản công bố thông tin của Tổng công ty trên Cổng thông tin doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về Người đại diện theo pháp luật: Họ và tên, số chứng minh nhân dân/ số thẻ căn cước công dân; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

b) Thông tin cơ bản về Tổng công ty: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, Trang thông tin điện tử; Cơ quan đại diện chủ sở hữu; tỷ lệ vốn nhà nước tại Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải đổi mật khẩu trong vòng 01 đến 03 ngày làm việc kể từ ngày được cung cấp tài khoản và có trách nhiệm bảo quản tài khoản, mật khẩu; thông báo kịp thời cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư nếu tài khoản, mật khẩu bị mất, đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản.

4. Người thực hiện công bố thông tin và Phòng chuyên trách được phân công thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty đối với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước, thông qua các phương tiện báo cáo, công bố thông tin quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này và đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Quy chế này.

Điều 17. Các thông tin công bố định kỳ với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước

Tổng công ty phải định kỳ thực hiện công bố các thông tin sau đây:

a) Thông tin cơ bản về Tổng công ty và Điều lệ Tổng công ty;

b) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm theo nội dung quy định tại Mẫu 25 – BCDG Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

c) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng của Tổng công ty theo nội dung quy định tại Mẫu 26 – BCTT Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hằng năm;

d) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm của Tổng công ty theo nội dung quy định tại Mẫu 27 – BCTTN Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này; thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện;

đ) Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp; thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 18. Các thông tin công bố bất thường với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước

Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của Tổng công ty; Cổng thông tin doanh nghiệp và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Tổng công ty bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;

c) Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;

d) Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty;

đ) Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với Người quản lý doanh nghiệp;

e) Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của Tổng công ty;

g) Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc bị từ chối kiểm toán Báo cáo tài chính;

h) Có quyết định thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.

Điều 19. Thực hiện công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước

1. Tổng công ty thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin quy định tại Điều 17, Điều 18 Quy chế này trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Cổng thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn; đồng thời gửi báo cáo tới Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Đối với nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, Tổng công ty báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đăng tải trên cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan các thông tin phải công bố định kỳ của Tổng công ty trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổng công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, đánh giá, quyết định việc hạn chế công bố thông tin các nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của Tổng công ty, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.

Điều 20. Tạm hoãn công bố thông tin với vai trò là Doanh nghiệp nhà nước

1. Tổng công ty báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì lý do bất khả kháng hoặc cần sự chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối những nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

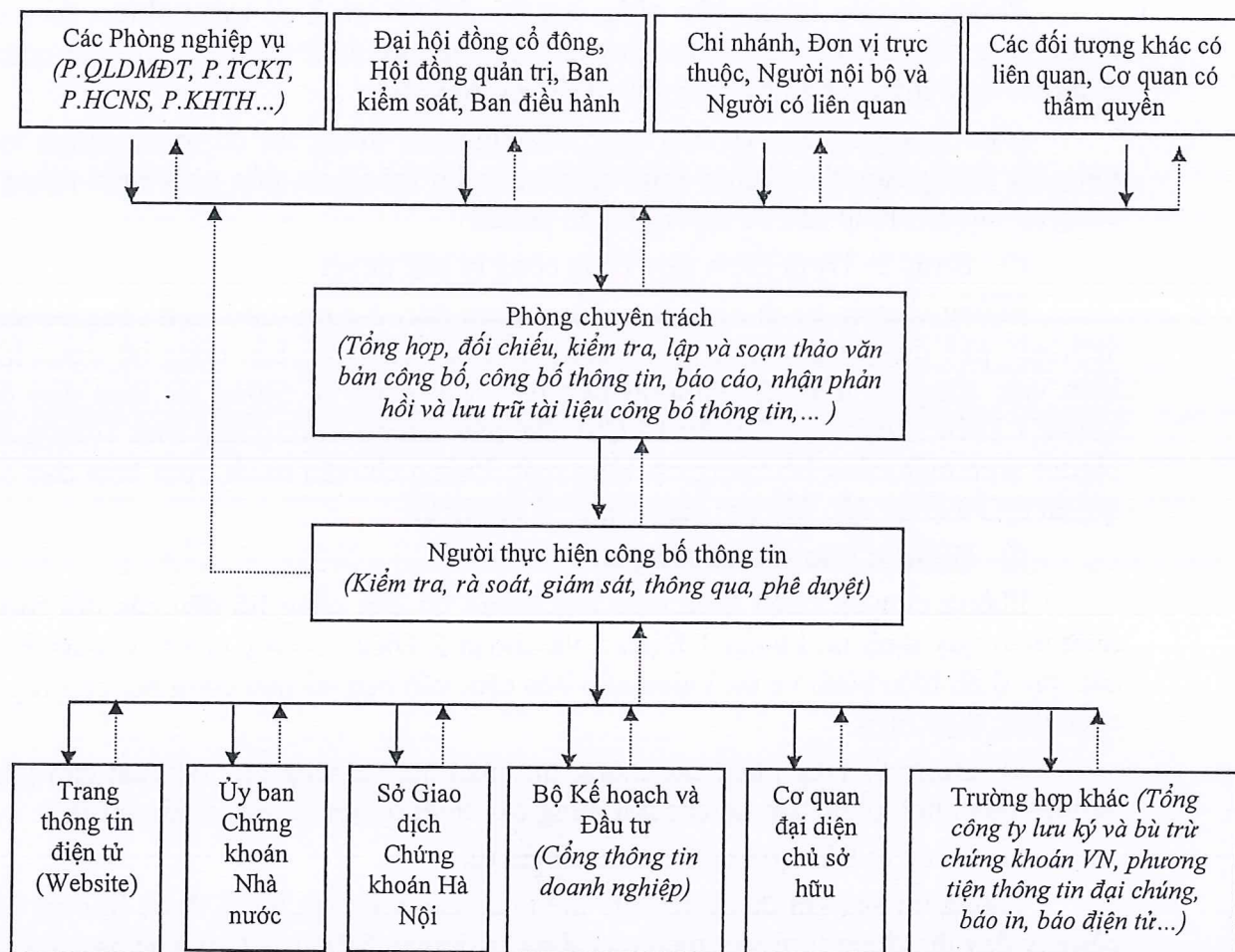
2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc tạm hoãn công bố thông tin và thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục hoặc sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các nội dung cần hạn chế công bố thông tin.

CHƯƠNG 5 – PHỐI HỢP THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 21. Quy trình thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin

1. Sơ đồ thực hiện công bố thông tin



Ghi chú:

→ Chiều thông tin cung cấp;

←..... Chiều thông tin phản hồi.

Sơ đồ thực hiện công bố thông tin áp dụng đối với các Phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty và các đối tượng có liên quan trong việc thực hiện công bố tin thông của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế này.

Hướng dẫn một số quy định về công bố thông tin cho các Phòng nghiệp vụ được liệt kê tại Phụ lục 01 Quy chế này.

2. Diễn giải quy trình công bố thông tin

a) Bước 1: Chuẩn bị, cung cấp thông tin

Các thông tin cần phải công bố theo quy định tại Quy chế này hoặc có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin; các Phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Tổng công ty và các đối tượng có liên quan phải lập tức báo cáo, gửi thông tin công bố theo nội dung quy định tại Quy chế này, cung cấp thông tin cho Người thực hiện công bố thông tin/ Phòng chuyên trách theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố.

b) Bước 2: Xử lý thông tin

Phòng chuyên trách phối hợp với các Phòng nghiệp vụ của Tổng công ty lập và soạn thảo báo cáo, văn bản công bố; tiến hành tổng hợp, kiểm tra rà soát tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, văn bản công bố; đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin; thực hiện công bố thông tin; báo cáo, nhận phản hồi và chỉnh sửa theo yêu cầu (nếu có) từ cơ quan có thẩm quyền; lưu trữ tài liệu công bố thông tin.

Phòng chuyên trách phân công cán bộ chuyên trách có trách nhiệm theo dõi, thi hành, thực hiện các quy định của Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan trong công tác thực hiện công bố thông tin của Tổng công ty.

Các Phòng nghiệp vụ liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người thực hiện công bố thông tin nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

c) Bước 3: Trình Lãnh đạo Tổng công ty phê duyệt

Phòng chuyên trách trình Ban Tổng giám đốc/ Người thực hiện công bố thông tin xem xét, phê duyệt nội dung; ký và đóng dấu báo cáo, văn bản công bố trước khi thực hiện việc công bố trên các phương tiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 Quy chế này. Trong trường hợp Ban Tổng giám đốc/ Người thực hiện công bố thông tin vắng mặt, Phòng chuyên trách trình lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố thông tin.

d) Bước 4: Báo cáo và công bố

Phòng chuyên trách thực hiện gửi thông tin cần công bố đến các đối tượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 2 Điều 15 Quy chế này, đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố, phương tiện và cách thức thực hiện.

đ) Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi và sàng lọc, đề xuất cho Lãnh đạo về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết (*Quay lại các bước trên*).

e) Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã được thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tại Tổng công ty đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy chế này; để phục vụ tham khảo, tra cứu, thanh tra và đối chiếu khi cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và các nhà đầu tư.

Điều 22. Sửa đổi và bổ sung

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty có quyền bổ sung, sửa đổi Quy chế này để phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác công bố thông tin và/ hoặc cập nhật các thay đổi của quy định pháp luật (*được sửa đổi theo từng thời kỳ*).

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty và các đối tượng có nghĩa vụ công bố thông tin có liên quan.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin Tổng công ty bao gồm 05 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2022.

2. Quy chế này được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

3. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng nghiệp vụ của Tổng công ty, Giám đốc các Chi nhánh, Văn phòng đại diện Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hoàng Ngọc Thạch

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01: HƯỚNG DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CHO CÁC PHÒNG NGHIỆP VỤ

Các Phòng nghiệp vụ của Tổng công ty, bao gồm: Phòng Quản lý Danh mục đầu tư (P.QLDMĐT), Phòng Tài chính Kế toán (P.TCKT), Phòng Hành chính Nhân sự (P.HCNS), Phòng Kế hoạch Tổng hợp (P.KHTH).

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
A. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ					
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH					
1	Báo cáo tài chính quý (Tổng hợp & Hợp nhất)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	Phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 7 Quy chế này
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận (Tổng hợp & Hợp nhất)	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận (Tổng hợp & Hợp nhất)	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
4	Chú ý: Văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.	CBTT đồng thời với BCTC đã kiểm toán cần giải trình.	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
II. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN					
5	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	Phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán, Mẫu

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
		chính.			01 – BCTN Phụ lục 02
III.	ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (THƯỜNG NIÊN/ BẤT THƯỜNG)				
6	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	P.QLDMĐT	P.HCNS	Mẫu 05 – THQ Phụ lục 02
7	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường và tài liệu họp Đại hội	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường (Nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	P.QLDMĐT	P.HCNS	
8	CBTT Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường	P.QLDMĐT	P.HCNS	
IV.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ				
9	Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty bán niên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	P.QLDMĐT	HHQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HHQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	Mẫu 03 – BCQT Phụ lục 02
10	Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	P.QLDMĐT		
V.	DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ PHIẾU QUỸ				
11	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/07 (Căn cứ trên danh sách cổ	P.QLDMĐT	P.HCNS	Mẫu 06 – DS Phụ

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
		đồng được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)			lục 02
12	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo (Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)	P.QLDMĐT	P.HCNS	
VI.	LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẢNG VĂN BẢN				
13	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	P.QLDMĐT	P.HCNS	Mẫu 05 – THQ Phụ lục 02
14	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (Nếu Điều lệ Tổng ty không quy định thời hạn khác dài hơn)	P.QLDMĐT	P.HCNS	
15	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	P.QLDMĐT	P.HCNS	
VII.	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ VỚI VAI TRÒ LÀ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC				
16	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh hàng năm	Thời hạn công bố trước ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	Mẫu 25 – BCDG Phụ lục 02
17	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức 06 tháng	Thời hạn công bố trước ngày 31 tháng 7 hàng năm	P.QLDMĐT	HDQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HDQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người	Mẫu 26 – BCTT và Mẫu 27 – BCTTN Phụ lục 02
18	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức hằng năm	Thời hạn công bố trước	P.QLDMĐT		

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
19	Báo cáo và tóm tắt BCTC hàng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập, bao gồm BCTC tổng hợp và hợp nhất	ngày 30 tháng 6 của năm liền sau năm thực hiện		nội bộ, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
		Thời hạn công bố trong vòng 150 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	Sau khi thực hiện BCTC năm trên TTCK
B. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG					
20	Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS, P.KHTH	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện; Tổng công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)
21	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
22	CBTT về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động theo Mẫu 10 – DKDN Phụ lục 02	Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho SGDCK Hà Nội	P.QLDMĐT	P.HCNS, P.KHTH	
23	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng).	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
24	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
				P.HCNS	
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 7 Quy chế này.	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
26	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
27	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
28	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (<i>trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật</i>)	Trong thời hạn 24 giờ	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
29	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
30	Nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (<i>Tổng công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty</i>)	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
31	Tổng công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Hà Nội Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Mẫu 02 – BCCTT Phụ lục 02	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
32	Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
33	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
34	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	HHQT, BKS,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu			BTGD, KTT, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
35	Quyết định về việc tổ chức lại Tổng công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Tổng công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	HDQT, BKS, BTGD, KTT, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
36	Quyết định thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Tổng công ty, con dấu của Tổng công ty	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
37	Quyết định thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
38	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS	
39	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
40	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
41	Trường hợp Tổng công ty thay đổi mô hình Tổng công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết), ngoài việc thực hiện CBT theo quy định, Tổng công ty thực hiện đăng ký theo Mẫu 06 CBT/SGDH.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
42	Quyết định của HĐQT hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	dịch giữa Tổng công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Tổng công ty			P.HCNS	
	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:				
	- Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
43	- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ;	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
	- Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
44	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng công ty căn cứ vào BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
45	Nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, Người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Tổng công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HĐQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
46	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty;	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT		
47	Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT		
48	Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT		
49	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	HĐQT, BKS, BĐH, P.TCKT, P.HCNS,	
50	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại SGDK nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.HCNS,	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
51	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.KHTH	
52	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại BCTC hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét;	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
53	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
54	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền	Tổng công ty thực hiện CBTT theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ngợi quyết và CBTT Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	P.QLDMĐT	P.HCNS	
55	Tổng công ty gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới (nếu có) theo biểu mẫu tại Phụ lục 02	Trong thời hạn 24 giờ	P.QLDMĐT	Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.HCNS	
56	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ: Tổng công ty thực hiện CBTT theo Mẫu 07 – NS và Mẫu 08 – NNB Phụ lục 02.	Gửi kèm quyết định/ nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	P.QLDMĐT	Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.HCNS	
57	Trường hợp có phát sinh thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ, Tổng công ty thực hiện báo cáo SGDCCK theo Mẫu 09 – TB và Mẫu 08 – NNB Phụ lục 02.	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi	P.QLDMĐT	Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.HCNS	
C.	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CÓ ĐỒNG HIỆN HỮU				

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
58	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK Hà Nội đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHCĐ)	P.QLDMĐT	P.HCNS	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện
59	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy.	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	P.QLDMĐT	P.HCNS	
	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng		P.QLDMĐT	P.HCNS	
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC					
60	CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	Phối hợp với các Phòng nghiệp vụ liên quan thực hiện
61	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	P.QLDMĐT	P.HCNS	
62	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của Tổng công ty, bán cổ phiếu quỹ	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	
63	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của Tổng công ty	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn tất thanh toán	P.TCKT	P.QLDMĐT, P.HCNS	
64	Công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty sau khi	Trong thời hạn 03 ngày	P.QLDMĐT	P.HCNS	

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Thời hạn công bố thông tin	Phòng phụ trách chính	Phòng phối hợp thực hiện	Ghi chú
	nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty	làm việc			
65	Tổng công ty phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Tổng công ty sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc	P.QLDMĐT	P.HCNS	
66	CBTT về giao dịch chào mua công khai	Theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác về chào mua công khai.	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS	
E.	CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU				
	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK Hà Nội khi:				
67	- Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu	P.QLDMĐT	HĐQT, BKS, BTGD, KTT, TK. HĐQT, Người nội bộ và Người có liên quan với Người nội bộ, P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	Nội dung yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
	- Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ từ khi nhận được yêu cầu			
F.	TẠM HOẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN				
68	Công bố về việc tạm hoãn CBTT	Theo quy định	P.QLDMĐT	P.TCKT, P.HCNS, P.KHTH	

PHỤ LỤC 02: CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	Bản cung cấp thông tin Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/ năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 – BC	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 – THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02 /QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)
6	Mẫu 06 – DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/đăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 – NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 – NNB	Danh sách Người nội bộ và Người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 – TB	Thông báo thay đổi Người có liên quan của Người nội bộ (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10 – DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11 – MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
12	Mẫu 12 – SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13 – CBTT	Công bố thông tin bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
14	Mẫu 14 – QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 – KT CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn

STT	Ký hiệu mẫu biểu	Nội dung
		(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
16	Mẫu 16 – CDL	Báo cáo về ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17 – CDL	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty khi có thay đổi số lượng cổ phiếu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
18	Mẫu 18 – GD NNB	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
19	Mẫu 19 – GD NNB	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
20	Mẫu 20 – GUQ	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
21	Mẫu 21 – GUQCN	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin cá nhân (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
22	Mẫu 22 – TBGD	Thông báo giao dịch quyền mua cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
23	Mẫu 23 – BCKQ	Báo cáo kết quả giao dịch quyền mua cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
24	Mẫu 24 – GUQ	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)
25	Mẫu 25 – BCDG	Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)
26	Mẫu 26 – BCTT	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp 06 tháng (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)
27	Mẫu 27 – BCTTN	Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm (Nghị định số 47/2021/NĐ-CP)